

ĐỘNG LỰC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO TRONG SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CỦA THANH NIÊN VIỆT NAM

Motivation to application of high technology in farming by Vietnamese youth

LÊ THU HẠNH
CÁN THỊ THU HƯƠNG

Bài viết làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến động lực của thanh niên trong ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, dựa vào mô hình phân tích tham khảo thuyết kỳ vọng của Vroom (1964) và dữ liệu thứ cấp cũng như sơ cấp thông qua khảo sát trực tiếp 365 thanh niên tham gia sản xuất ứng dụng nông nghiệp cao tại tám tỉnh, thành ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mức độ thỏa mãn kỳ vọng từ các loại phần thưởng khác nhau có tác động khác nhau đến động lực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp của thanh niên. Trên cơ sở kết quả này, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao động lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp của thanh niên Việt Nam.

Từ khóa: động lực làm việc, nông nghiệp công nghệ cao, thanh niên.

This research leverages a quantitative research model referred to Vroom (1964)'s expectation theory and secondary and primary data collected from surveys of 365 young persons who are heads of households involved in high-tech farming in eight provinces in Vietnam to analyze the components affecting the motivation to apply high technology in agricultural production of Vietnamese youth. Research findings reveal that expectations, expected results, and level of satisfaction when receiving different kinds of rewards impact young people's motivation to apply high technology in farming differently. Based on these results, the authors have proposed some solutions to improve the motivation to apply high technology in the farming of Vietnamese youth.

Keywords: working motivation, high tech farming, youth.

1. Giới thiệu

Nông nghiệp là một lĩnh vực kinh tế lợi thế ở Việt Nam nhờ vị trí địa lý, điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, thời tiết và kinh nghiệm của người dân trong sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, trước thực trạng biến đổi khí hậu, già hóa dân số, tiềm năng xuất khẩu nông sản và sự xuất hiện của công nghệ cao, công nghệ thông minh, sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã trở thành một yêu cầu,

một xu hướng tất yếu diễn ra trong nền kinh tế. Trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, những người sản xuất nông nghiệp sẽ sử dụng tối thiểu các nguồn lực như đất, nước, phân bón, hóa chất và có tính đến các mục tiêu bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

Theo EC (2019), nông nghiệp công nghệ

Lê Thu Hạnh, TS.; Cán Thị Thu Hương, TS., Học viện Ngân hàng.

cao gắn với các công cụ mới như robot, công nghệ thông tin, dữ liệu lớn, quan sát trái đất; sử dụng tổng hợp các công cụ này để dịch chuyển nông nghiệp sang mô hình mới - nông nghiệp chính xác bền vững. Khác với Mỹ, nông nghiệp công nghệ cao ở Châu Âu hướng đến nền nông nghiệp phát triển bền vững, xanh hơn và đa dạng các hình thức phát triển nông nghiệp, như: nông nghiệp thông thường (nông nghiệp công nghiệp), nông nghiệp sinh thái (bao gồm cả các thực hành nông nghiệp hữu cơ) và nông nghiệp công nghệ cao. Nông nghiệp công nghệ cao ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong sản xuất để không sử dụng, hoặc sử dụng phân hóa học, thuốc bảo vệ thực vật hợp lý hơn nhằm vừa bảo vệ môi trường sinh thái, nhưng vẫn đảm bảo tính hiệu quả kinh tế của quá trình sản xuất.

Viện Nghiên cứu Thanh niên (2023) đã tìm hiểu về nhu cầu của thanh niên nông thôn chuyển đổi sang mô hình công nghệ cao. Với 439 người trả lời, kết quả khảo sát cho thấy có tới 68,8% thanh niên cho rằng họ có nhu cầu chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp truyền thống hiện nay sang sản xuất nông nghiệp có ứng dụng công nghệ cao. Điều này cho thấy nhu cầu ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp của thanh niên nông thôn hiện nay là rất lớn.

Steer và Porter (1983) cho rằng, động lực thôi thúc cá nhân thực hiện hành vi; do đó nghiên cứu này khám phá xem động lực đến từ kỳ vọng phần thưởng nào thúc đẩy thanh niên Việt Nam ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phát triển các giả thuyết và mô hình nghiên cứu

Vroom (1964) khẳng định, động cơ thúc đẩy con người làm việc sẽ được xác định bởi giá trị mà họ đặt vào kết quả cố gắng của họ, được nhân thêm bởi niềm tin mà họ có. Lý thuyết này dựa theo logic rằng con người sẽ làm cái họ có thể làm khi mà họ muốn làm. Động lực phụ thuộc vào ba yếu tố: lượng giá trị, phương tiện và sự kỳ vọng. Như vậy, để tạo động lực cho người lao động, người quản lý cần phải tìm hiểu quá trình suy nghĩ của cá nhân, từ đó tác động tích cực tới họ thông qua hành động cụ thể. Tức là cần phải tối đa hóa lượng giá trị, phương tiện và sự kỳ vọng, bằng cách làm cho người lao động hiểu rõ mối quan hệ trực tiếp giữa nỗ lực với thành tích, thành tích với kết quả và phần thưởng và các phần thưởng đó phải hấp dẫn với bản thân họ.

Dựa vào lý thuyết của Vroom (1964) về động lực, nghiên cứu đề xuất các giả thuyết sau:

Giả thuyết 1: Kỳ vọng (EE) có tác động tích cực đến động lực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp của thanh niên. Kỳ vọng là niềm tin vào khả năng ứng dụng công nghệ cao được đo lường bởi kinh nghiệm, kỹ năng, khả năng học cách sử dụng công nghệ cao cũng như niềm tin có thể ứng dụng và thành công trong ứng dụng công nghệ cao.

Giả thuyết 2: Kết quả mong đợi (IN) có tác động tích cực đến động lực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp của thanh niên. Kết quả mong đợi ở đây là việc đạt được các mục tiêu cá nhân.

Giả thuyết 3: Mức độ thỏa mãn kỳ vọng khi nhận được phần thưởng (VA) có tác động tích cực đến động lực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp của thanh niên.

BẢNG 1: Các biến số và biến quan sát của mô hình nghiên cứu

Biến số	Biến quan sát	Mã hóa	Nguồn
Kỳ vọng (EE)	Cảm nhận mức độ dễ dàng ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất	EE1	Áp dụng có điều chỉnh biến quan sát của Manolova và cộng sự (2008)
	Mức độ kinh nghiệm trong ứng dụng công nghệ cao	EE2	
	Mức độ khả năng học cách sử dụng công nghệ cao	EE3	
	Cảm nhận mức độ thành công trong ứng dụng công nghệ cao nếu nỗ lực	EE4	
	Cảm nhận mức độ phức tạp và khó khăn trong ứng dụng công nghệ cao	EE6	
	Mức độ dễ dàng có đủ kỹ năng để sử dụng công nghệ cao	EE5	
Mức độ thỏa mãn kỳ vọng khi nhận được phần thưởng (VA)	Được mọi người ghi nhận là người điển hình, thành công	VA1	
	Chứng tỏ năng lực bản thân	VA2	
	Giúp ích cho gia đình	VA3	
	Được ghi nhận có vị trí cao hơn trong xã hội	VA4	
	Phát triển ý tưởng về những sản phẩm mới	VA5	
	Lan tỏa ảnh hưởng đến người khác	VA6	
	Có cơ hội đạt thu nhập cao hơn	VA7	
	Phát triển bản thân	VA8	
	Bạn bè tôn trọng	VA10	
	Được thách thức bản thân	VA9	
	Theo gương người mà mình ngưỡng mộ	VA11	
	Dẫn đầu về công nghệ	VA12	
Kết quả mong đợi (IN)	Ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp giúp tôi đạt được mục tiêu trong cuộc sống.	IN	Áp dụng biến quan sát có điều chỉnh của Shaver và cộng sự (2001)
Động lực ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp (MO) - biến phụ thuộc	Mức độ xác định rõ mục tiêu phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao của mình	MO1	Áp dụng biến quan sát có điều chỉnh của Trần Kim Dung và Nguyễn Ngọc Lan Vi (2011)
	Mức độ yêu thích việc phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao và khao khát được thành công trong lĩnh vực này	MO2	
	Mức độ nỗ lực trong việc phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao của mình	MO3	
	Mức độ chấp nhận và sẵn sàng đương đầu với rủi ro và không nản lòng trước thất bại	MO4	
	Mức độ hiểu rõ những khó khăn và thách thức mình sẽ đối mặt khi thực hiện mô hình nông nghiệp công nghệ cao	MO5	

Nguồn: Tổng hợp và đề xuất của các tác giả.

2.2. Dữ liệu và phương pháp ước lượng

Nghiên cứu này nhờ tình đoàn gửi phiếu khảo sát tới các thanh niên là chủ mô hình

nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tám tỉnh, thành gồm: Vĩnh Phúc, Hà Nam, Hòa Bình, Sơn La, Lâm Đồng, Đà Nẵng,

Cà Mau, Đồng Tháp. Thời gian khảo sát từ tháng 4 đến tháng 8 năm 2023. Nhóm nghiên cứu phát ra 400 phiếu khảo sát, trong các phiếu thu về có 35 phiếu không đáp ứng yêu cầu và bị loại, số phiếu còn lại là 365 đáp ứng đủ yêu cầu và được đưa vào phân tích, thỏa mãn đề xuất của Hair và cộng sự (1998) cũng như của Tabachnick và Fidell (1996) trong trường hợp số lượng biến quan sát là 24. Bảng 2 cung cấp thông tin khái quát về khảo sát.

BẢNG 2: Thống kê về mẫu nghiên cứu

Tiêu chí	Số lượng (phiếu)	Tỷ lệ (%)
Tỉnh, thành		
Vĩnh Phúc	50	13,7
Hà Nam	47	12,9
Hòa Bình	50	13,7
Sơn La	50	13,7
Lâm Đồng	63	17,3
Đà Nẵng	20	5,5
Cà Mau	49	13,4
Đồng Tháp	36	9,9
Ngành nghề		
Chăn nuôi	140	38,4
Chế biến	36	9,9
Trồng trọt	189	51,8
Tổng cộng	365	100

Nguồn: Khảo sát của các tác giả.

Phân tích Cronbach's alpha và phân tích nhân tố khám phá (EFA) với dữ liệu khảo sát thu được cho phép khẳng định, giá trị hội tụ và phân biệt của các biến quan sát đều đạt yêu cầu và do đó không biến quan sát nào bị loại. Hệ số Cronbach's alpha nhỏ nhất là 0,881 và lớn nhất là 0,952. Chỉ có một biến quan sát nếu được loại bỏ sẽ giúp hệ số Cronbach's alpha của nhân tố mà nó đo tăng lên, đó là yếu tố EE6; song tương quan biến - tổng của biến quan sát này là 0,506. Hệ số KMO là 0,907, kiểm định Barlett có ý nghĩa thống kê cao, các giá trị

riêng (eigenvalue) của mỗi nhóm đều lớn hơn 1 và tổng tích lũy giá trị riêng ban đầu là 77,176%.

Kết quả EFA dẫn tới quyết định phân các biến quan sát liên quan đến mức độ thỏa mãn kỳ vọng khi nhận được phần thưởng thành ba nhóm nhân tố. Nhóm phần thưởng 1 (VA_T1) gồm: các biến quan sát được mọi người ghi nhận là người điển hình, thành công, có vị trí cao hơn trong xã hội, được bạn bè tôn trọng, chứng tỏ năng lực bản thân. Nhóm phần thưởng 2 (VA_T2) bao gồm: được thách thức bản thân, dẫn đầu về công nghệ và theo gương người ngưỡng mộ. Nhóm phần thưởng 3 (VA_T3) bao gồm: lan tỏa ảnh hưởng đến người khác, giúp ích cho gia đình, phát triển ý tưởng mới về sản phẩm, được phát triển bản thân và có cơ hội đạt thu nhập cao hơn.

Khi phân tích nhân tố khẳng định (CFA), tuy tính toán Chi-square cho thấy có ý nghĩa thống kê, song chỉ số Chi-square/df vẫn nhỏ hơn 5 hàm ý mô hình có thể chấp nhận được (phụ lục 1). Các chỉ số Tucker-Lewis (TLI) và CFI đều lớn hơn 0,9 cho thấy mô hình được kiểm định là mô hình được cải thiện so với mô hình cơ sở. Tuy chỉ số GFI nhỏ hơn 0,9 cho thấy có khả năng có sai số trong mẫu trong dữ liệu, song chỉ số RMSEA nhỏ hơn 0,08 chứng tỏ sai lệch của mô hình so với dữ liệu vẫn trong mức chấp nhận được.

Như vậy, các biến quan sát thực sự đo lường các nhân tố và mô hình phù hợp với dữ liệu. Do đó, các biến đều có thể sử dụng cho phân tích tác động. Để đánh giá tác động (quan hệ nhân - quả), nghiên cứu này lựa chọn phương pháp mô hình phương trình cấu trúc (SEM).

3. Kết quả ước lượng và thảo luận

Kết quả phân tích SEM được trình bày ở phụ lục 2 và bảng 3 khẳng định mô hình được chấp nhận có sự phù hợp với dữ liệu thị trường.

BẢNG 3: Kết quả ước lượng và kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến động lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp của thanh niên

Biến độc lập	Hệ số Beta chưa chuẩn hóa	Sai số chuẩn	Giá trị p	Hệ số Beta chuẩn hóa
EE	0,181	0,062	0,004	0,174
VA_T1	-0,237	0,079	0,003	-0,235
VA_T2	0,110	0,062	0,075	0,123
VA_T3	0,395	0,100	0,000	0,350
IN	0,170	0,045	0,000	0,215

Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu từ dữ liệu khảo sát.

Kết quả kiểm định cho thấy, cả năm biến độc lập đều có tác động ở mức có ý nghĩa thống kê đến động lực. Điều này có nghĩa cả năm giả thuyết nghiên cứu đề xuất ở trên đều không thể bác bỏ. Bốn nhân tố kỳ vọng (EE), kết quả mong đợi (IN), mức độ thỏa mãn kỳ vọng khi nhận được nhóm phần thưởng 3 (VA-T3) và mức độ thỏa mãn kỳ vọng khi nhận được nhóm phần thưởng 2 (VA-T2) có tác động thuận chiều đến nhân tố động lực (OM). Riêng nhân tố mức độ thỏa mãn kỳ vọng khi nhận được nhóm phần thưởng 1 (VA-T1) có tác động ngược chiều.

Trong các nhân tố tác động đến động lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp của thanh niên, mức độ thỏa mãn kỳ vọng khi nhận được nhóm phần thưởng 3 (VA-T3) tác động mạnh nhất tới động lực. Khi mức độ thỏa mãn này tăng 1 đơn vị, động lực sẽ tăng 0,35 đơn vị. Nhóm phần thưởng 3 bao gồm: lan tỏa ảnh hưởng đến người khác, giúp ích cho gia đình, phát triển ý tưởng mới về sản phẩm, được phát triển bản thân và có cơ hội đạt thu nhập cao hơn. Kết quả khảo sát bằng thang đo Likert-5 cho thấy, phát triển bản thân là mong muốn có điểm trung bình cao nhất, tiếp đến là các yếu tố lan tỏa ảnh hưởng đến người khác, phát triển ý tưởng về sản phẩm mới,

có cơ hội có thu nhập cao và giúp ích cho gia đình. Mong muốn phát triển bản thân cũng là mong muốn có điểm trung bình cao nhất trong nhóm các yếu tố đo lường mức độ thỏa mãn dự kiến khi ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Điều này cũng phù hợp với giá trị thể hệ của thanh niên.

Kết quả mong đợi (IN) tác động mạnh thứ hai tới động lực. Khi mức độ thỏa mãn này tăng 1 đơn vị, động lực sẽ tăng 0,215 đơn vị. Kết quả mong đợi này là việc ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp sẽ giúp cho thanh niên đạt được các mục tiêu cá nhân với điểm trung bình là 3,6 khi khảo sát bằng thang đo Likert-5. Việc tin rằng ứng dụng công nghệ cao sẽ giúp mình đạt được các mục tiêu cá nhân có vai trò quan trọng tác động đến động lực của thanh niên, vì nếu không có niềm tin này thì dù kết quả mong đợi có hấp dẫn thế nào hay mức độ tin tưởng có thể ứng dụng công nghệ cao đến đâu, thanh niên cũng không thể có động lực ứng dụng.

Niềm tin vào khả năng ứng dụng công nghệ cao qua các tiêu chí kinh nghiệm, kỹ năng, khả năng học cách sử dụng công nghệ cao cũng như niềm tin có thể ứng dụng và thành công trong ứng dụng công nghệ cao tác động mạnh thứ ba tới động

lực. Khi mức độ thỏa mãn này tăng 1 đơn vị, động lực sẽ tăng 0,174 đơn vị. Niềm tin có thể ứng dụng thành công công nghệ cao có điểm trung bình cao nhất trong nhóm (3,68) và khả năng có thể học hỏi công nghệ cao có điểm trung bình cao thứ hai (3,57) thể hiện sự lạc quan, tích cực của thanh niên vào năng lực của bản thân, cũng như từ các điều kiện thuận lợi được cung cấp. Khi đánh giá về các điều kiện thuận lợi để ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất của các thanh niên là chủ mô hình đang ứng dụng công nghệ cao; kết quả có giá trị trung bình lớn hơn 3, trong đó yếu tố được hỗ trợ về vốn có điểm trung bình cao nhất và yếu tố hỗ trợ từ đoàn có điểm trung bình thấp nhất, chứng tỏ Đoàn thanh niên cần thể hiện hơn nữa vai trò của mình trong việc giúp đỡ thanh niên ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Kinh nghiệm ứng dụng công nghệ cao và kỹ năng ứng dụng công nghệ cao đang có điểm trung bình thấp nhất (3,36 và 3,19) cho thấy, cũng cần có các chương trình đào tạo để nâng cao kỹ năng và kinh nghiệm ứng dụng công nghệ cao.

Được thách thức bản thân, dẫn đầu về công nghệ và theo gương người người là những yếu tố tác động mạnh thứ tư đến động lực ứng dụng công nghệ cao của nhóm thanh niên đang ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp. Trong đó yếu tố muốn được thách thức bản thân có điểm trung bình cao nhất (3,68), tiếp theo là các yếu tố dẫn đầu về công nghệ (3,5) và theo gương người mà thanh niên ngưỡng mộ (3,44).

Được mọi người ghi nhận là người điển hình, thành công, có vị trí cao hơn trong xã hội, được bạn bè tôn trọng, chứng tỏ năng lực bản thân đang có tác động ngược chiều đến động lực ứng dụng công nghệ cao của

thanh niên. Đây là một kết quả rất khác biệt so với lý thuyết và các nghiên cứu đi trước. Nghiên cứu này tiến hành với các thanh niên đang ứng dụng công nghệ cao để khảo sát xem yếu tố gì tác động đến động lực ứng dụng công nghệ cao của họ, biến quan sát là mức độ thỏa mãn kỳ vọng, hay là điều họ mong muốn đạt được khi ứng dụng công nghệ cao. Đây là đối tượng đã ứng dụng công nghệ cao nên có thể giải thích là do thực tế khi ứng dụng công nghệ cao họ không được công nhận là người điển hình, thành công, có vị trí cao hơn trong xã hội, được bạn bè tôn trọng như kỳ vọng nên càng kỳ vọng thì sau khi ứng dụng họ càng không được thỏa mãn như mong đợi, nên động lực của họ càng giảm. Điểm trung bình các yếu tố này cũng nằm ở nhóm thấp nhất trong các tiêu chí đo lường mức độ thỏa mãn kỳ vọng của thanh niên khi ứng dụng công nghệ cao. Cần phải có các giải pháp nêu gương, khen thưởng để nâng cao mức độ thỏa mãn kỳ vọng được mọi người ghi nhận là người điển hình, thành công; được chứng tỏ năng lực bản thân, được ghi nhận có vị trí cao trong xã hội và được bạn bè tôn trọng.

4. Một số đề xuất

Nhằm tăng cường động cơ thúc đẩy thanh niên ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp, bên cạnh sự nỗ lực của bản thân, xác định tư tưởng, quan điểm, quyết tâm triển khai, sự hỗ trợ của các bên liên quan, thì vai trò của tổ chức Đoàn thanh niên cần phải được nâng cao hơn nữa. Một số đề xuất đó là:

Một là, thành lập các câu lạc bộ thanh niên xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, các tổ hợp tác, hợp tác xã thanh niên; tìm kiếm ý tưởng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao áp dụng vào cuộc sống, tuyên dương những thanh niên

xây dựng được các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, tổ chức cuộc thi dự án về các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, tổ chức các chương trình đào tạo, ương tạo về các mô hình này, thành lập phòng hỗ trợ xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, các câu lạc bộ, hình thành các nguồn quỹ cho việc xây dựng các mô hình này...

Hai là, khuyến khích thanh niên nông thôn tích cực đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất, kinh doanh và phát triển ngành nghề mới. Các tổ chức Đoàn cần đồng hành cùng thanh niên trong hướng dẫn, chuyển giao kỹ thuật sản xuất ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao. Thành lập các trung tâm hỗ trợ thanh niên xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Với mô hình tích hợp dựa trên mạng lưới vệ tinh sâu rộng trong nước và nước ngoài, các trung tâm này sẽ góp phần thúc đẩy phát triển hệ sinh thái cho việc sản xuất nông nghiệp công nghệ cao của thanh niên nông thôn.

Ba là, quan tâm, chú trọng hỗ trợ các chủ mô hình về kiến thức sản xuất, kiến thức chọn nguyên liệu đầu vào an toàn, các kiến thức ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất. Trong đó, tập trung tổ chức các diễn đàn, phối hợp với sở nông nghiệp và phát triển nông thôn thành lập và duy trì hoạt động đội tri thức trẻ tình nguyện, qua đó tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật công nghệ cao trong nông nghiệp cho các chủ mô hình sản xuất là thanh niên nông thôn. Bên cạnh đó, tinh đoàn cũng cần: chủ động phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về sản xuất kinh doanh, xây dựng ý tưởng kinh doanh; tổ chức các diễn đàn về các vấn đề trong

quá trình xây dựng mô hình nông nghiệp công nghệ cao như nguyên liệu, kỹ thuật, tiêu thụ...

Bốn là, động cơ của thanh niên ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp sẽ được tăng cường nếu họ được quan tâm hỗ trợ về vốn đầu tư. Các tổ chức đoàn địa phương đẩy mạnh phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai thực hiện các chương trình tín dụng cho thanh niên nông thôn muốn xây dựng các mô hình nông nghiệp công nghệ cao từ các nguồn vốn vay ưu đãi, phát triển kinh tế gia đình một cách kịp thời, dễ dàng, thuận lợi. Đây chính là nguồn lực kịp thời tiếp sức cho thanh niên nông thôn tích cực phát triển các mô hình nông nghiệp công nghệ cao. Nghiên cứu thành lập các quỹ hỗ trợ các mô hình nông nghiệp công nghệ cao do thanh niên nông thôn làm chủ dựa trên các nguồn xã hội hóa mà thông qua các kênh của đoàn thanh niên địa phương thu hút được. Quỹ hỗ trợ này sẽ giúp cho các chủ mô hình nông nghiệp công nghệ cao trong việc vay vốn và mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

Năm là, tăng cường thêm các giải pháp hỗ trợ thanh niên: tăng cường công tác tuyên truyền thông qua việc thành lập các chuyên trang thanh niên khởi nghiệp, giới thiệu các mô hình nông nghiệp công nghệ cao thanh niên tiêu biểu trên website, tạp chí của Đoàn, tập trung tuyên dương kịp thời những thanh niên điển hình thành công.

Sáu là, tổ chức các hội nghị tham quan, giao lưu học hỏi giữa các mô hình thanh niên; thành lập quỹ rủi ro cho thanh niên khởi nghiệp; liên kết giữa các doanh nghiệp, mô hình thanh niên để tìm đầu ra cho sản phẩm; có gói bảo hiểm cho các dự án thanh niên khởi nghiệp...

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

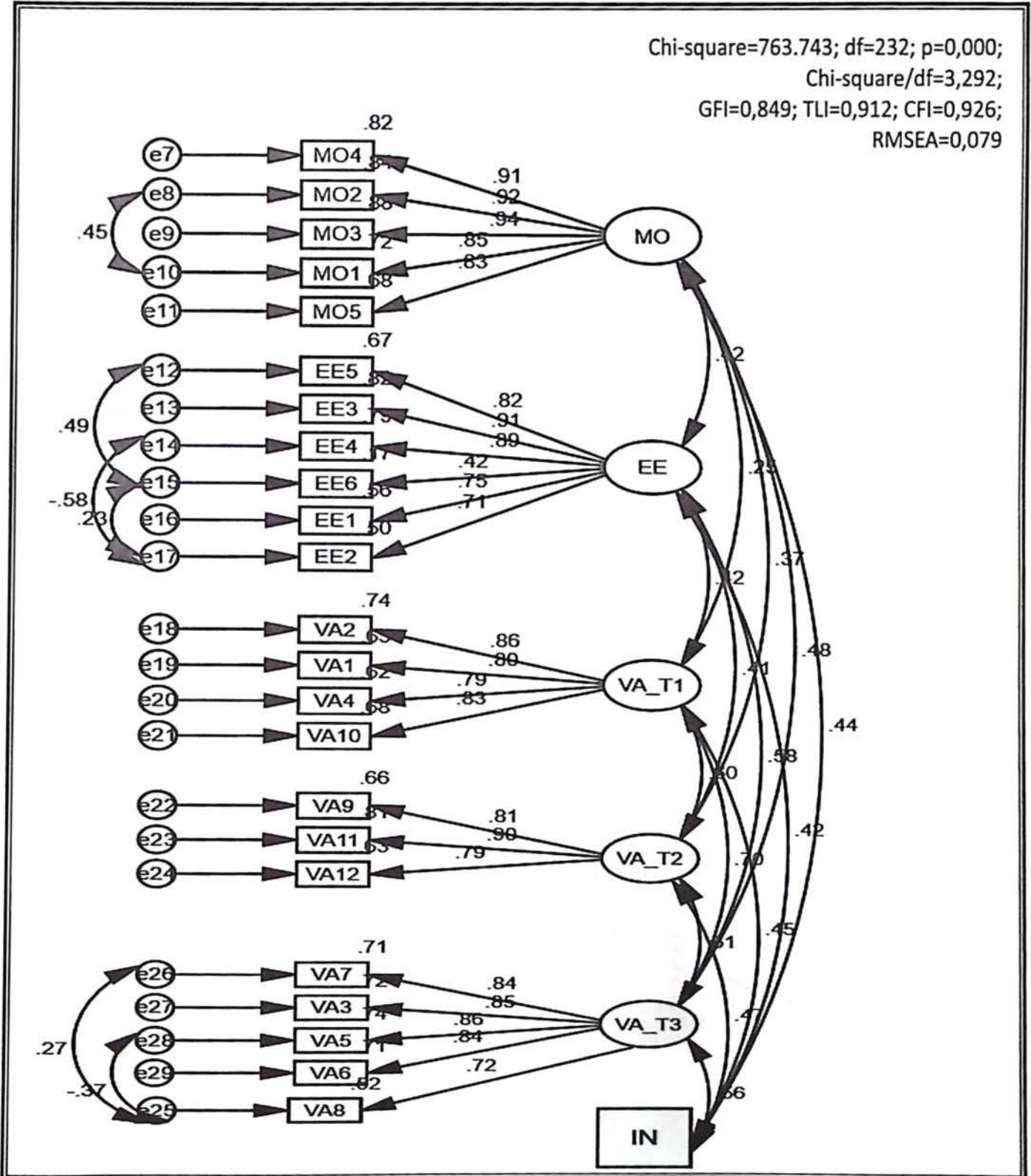
1. European Commission (EC, 2019), "Declaration on agriculture and rural areas", [online] available at: <https://smartagrihubs.eu/latest/news/2019/August/DD3Declarationonagricultureandruralareas-signedpdf-%281%29.pdf>.
2. Hair J.F.Jr., Anderson R.E., Tatham R.L. and Black W.C. (1998), *Multivariate Data Analysis*, 5th edition, Pearson Education Inc, Boston, M.A.
3. Manolova T.S., Brush C.G. and Edelman L.F. (2008), "What do women entrepreneurs want?", *Strategic Change*, vol. 17, no. 3, pp. 69-82.
4. Shaver K.G., Gartner W.B., Crosby E., Bakalarova K. and Gatewood E. (2001), "Attributions about entrepreneurship: a framework and process for analyzing reasons for starting a business", *Entrepreneurship Theory and Practice*, vol. 26, no. 2, pp. 5-32.
5. Steers R.M. and Porter L.W. (1983), *Motivation and Work Behaviour*, Mc Graw Hill, New York.
6. Tabachnick B. and Fidell L. (1996), *Using Multivariate Statistics*, Harper Collins College Publishers, New York.
7. Trần Kim Dung và Nguyễn Ngọc Lan Vy (2011), "Thang đo động viên nhân viên", *Phát triển kinh tế*, số 244, tr. 55-61.
8. Viện Nghiên cứu Thanh niên (2023), *Điều tra nhu cầu, nguyện vọng và những vấn đề thanh thiếu niên quan tâm trên các lĩnh vực đời sống xã hội*.
9. Vroom V.H. (1964), *Work and Motivation*, Wiley, New York.

Ngày nhận bài : 08-05-2024

Ngày nhận bản sửa : 05-06-2024

Ngày duyệt đăng : 05-06-2024

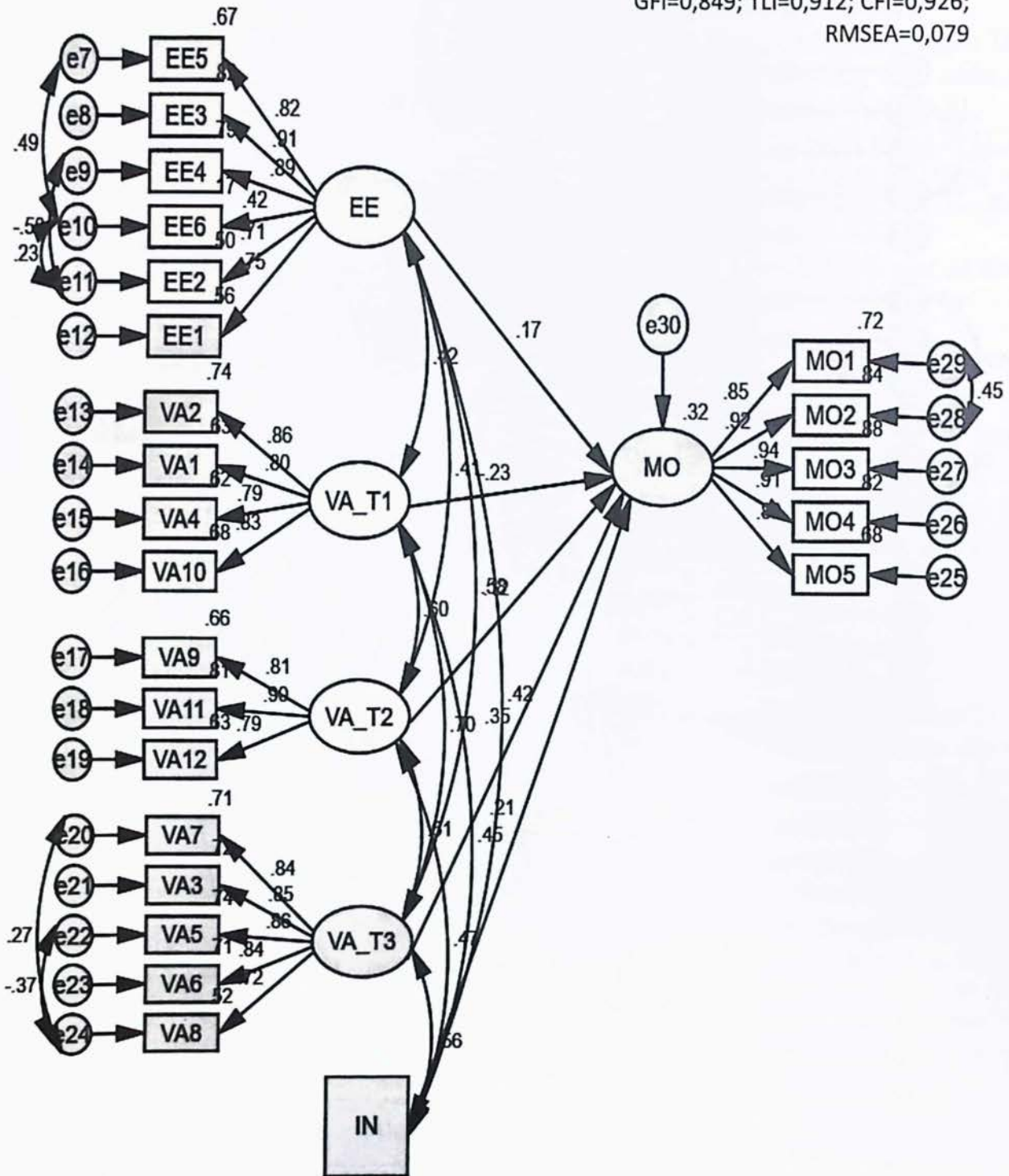
PHỤ LỤC 1: Kết quả phân tích CFA các yếu tố ảnh hưởng đến động lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp của thanh niên



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu bằng phần mềm SPSS.

PHỤ LỤC 2: Kết quả phân tích SEM các yếu tố ảnh hưởng đến động lực ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp của thanh niên

Chi-square=763.743; df=232; p=0,000;
 Chi-square/df=3,292;
 GFI=0,849; TLI=0,912; CFI=0,926;
 RMSEA=0,079



Nguồn: Tính toán của nhóm nghiên cứu bằng phần mềm SPSS.